

# Định vị hệ thống tài chính xanh trong nền kinh tế xanh - Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị

📍 PGS.TS TRẦN THỊ THANH TÚ

*Trường Đại học Việt - Nhật, Đại học Quốc Gia Hà Nội*

● NGÀY NHẬN BÀI: 28/07/2022 ● NGÀY GỬI PHẢN BIỆN: 05/08/2022

● NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 15/08/2022

**Tóm tắt:** Để hướng tới hệ sinh thái kinh tế xanh, hệ thống tài chính xanh (TCX) sẽ đóng vai trò quan trọng khi đảm nhiệm vai trò là kênh dẫn và điều tiết vốn. Nghiên cứu này tập trung vào việc tổng quan vai trò của hệ thống tài chính xanh, từ đó, định vị hệ thống tài chính xanh trong nền kinh tế xanh trên thế giới và ở Việt Nam. Nhóm nghiên cứu cũng thực hiện đánh giá thực trạng phát triển hệ thống xanh ở Việt Nam hiện nay, qua đó, đề xuất xây dựng bộ chỉ số giúp định vị hệ thống tài chính xanh, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị tới các chủ thể tham gia vào hệ thống tài chính xanh nhằm thực hiện hóa mục tiêu trong dài hạn.

**Từ khóa:** tài chính xanh, kinh tế xanh, chỉ số xanh

“**K**inh tế xanh” (hay “kinh tế sạch”) là nền kinh tế nâng cao đời sống của con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái. Hiểu một cách đơn giản, nền kinh tế xanh có mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội. Chiến lược tăng trưởng cơ bản của nền “kinh tế xanh” là bảo vệ môi trường, phát triển công nghệ sản xuất sạch và năng lượng sạch, nhanh chóng đạt được mức tăng trưởng bền vững hay nói cách khác là tăng trưởng xanh.

Phát triển nền kinh tế xanh là mục tiêu của mọi quốc gia hiện nay, trong đó xây dựng “hệ thống tài chính xanh” là điều kiện nền tảng. Ngay cả với những quốc gia phát triển như Mỹ và các nước châu Âu, việc thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh cũng không hề đơn giản. Để xây dựng một nền kinh tế xanh cũng cần phải có một nguồn lực và nền tảng kinh tế vững chắc.

Thực tế, cho đến nay chưa có khái niệm cụ thể về tài chính xanh và tài chính xanh vẫn đang được hiểu theo các cách tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, hệ thống tài chính xanh

được hiểu là:<sup>2</sup> “Hệ thống tài chính cho phép luân chuyển nguồn tài chính tới các hoạt động đầu tư thông qua các trung gian tài chính và thị trường tài chính trong đó các hoạt động đầu tư phải đảm bảo các điều kiện xanh, bảo vệ môi trường và hướng tới phát triển bền vững. Khi đó, các bộ phận cấu thành của hệ thống tài chính xanh sẽ mang đặc điểm xanh, bao gồm: trung gian tài chính xanh, thị trường tài chính xanh, công cụ huy động vốn xanh hay nguồn vốn xanh, và đầu tư xanh”.

Hệ thống tài chính xanh đóng vai trò là kênh dẫn vốn và điều tiết nguồn lực cho phát triển nền kinh tế xanh (điều tiết hoạt động đầu tư). Hệ thống tài chính xanh thúc đẩy các công cụ xanh như tín dụng xanh của ngân hàng xanh, trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh, chỉ số tài chính xanh. Bên cạnh đó, hệ thống tài chính xanh còn giúp thúc đẩy các loại thị trường xanh.

Mặc dù đây là một lĩnh vực khá mới, song nhận thấy được vai trò quan trọng của phát triển hệ thống tài chính xanh, Việt Nam bước đầu hướng tới sự phát triển của hệ thống tài chính xanh nhằm hướng tới sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, cho tới nay các chính sách về tài chính xanh tại Việt Nam mới đang ở dạng gợi mở về các định hướng phát triển. Các quy định

cụ thể về triển khai, vận hành thị trường vẫn đang được nghiên cứu, chưa được ban hành, trong đó có việc xây dựng bộ chỉ số đánh giá mức độ xanh hóa của hệ thống tài chính.

## THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TÀI CHÍNH XANH Ở VIỆT NAM

Trước nhu cầu thúc đẩy tăng trưởng xanh của Việt Nam, nhu cầu vốn phục vụ cho mục tiêu này là rất lớn.

Theo Báo cáo Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định – INDC Việt Nam<sup>3</sup>, Việt Nam cần khoảng 20 tỷ USD để đầu tư cho tăng trưởng xanh trong giai đoạn 2021-2030.

Chính vì vậy, Chính phủ Việt Nam đã có những hành động cụ thể trong việc thiết lập chính sách phát triển tài chính xanh tại Việt Nam. Trong đó, đã có một số chính sách phát triển thị trường vốn xanh được ban hành. Về mặt phát triển ngân hàng xanh, Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã hoàn thiện Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng (Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015), Đề án phát triển ngân hàng xanh (Quyết định số 1604/QĐ-NHNN) và đưa ra các chương trình tín dụng góp phần sử dụng tài nguyên hiệu quả, tạo sinh kế và nâng cao mức sống của người dân, giải

**HỆ THỐNG TÀI CHÍNH XANH ĐÓNG VAI TRÒ LÀ KÊNH DẪN VỐN VÀ ĐIỀU TIẾT NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ XANH (ĐIỀU TIẾT HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ). HỆ THỐNG TÀI CHÍNH XANH THỨC ĐẨY CÁC CÔNG CỤ XANH NHƯ TÍN DỤNG XANH CỦA NGÂN HÀNG XANH, TRÁI PHIẾU XANH, CỔ PHIẾU XANH, CHỈ SỐ TÀI CHÍNH XANH. BÊN CẠNH ĐÓ, HỆ THỐNG TÀI CHÍNH XANH CÒN GIÚP THỨC ĐẨY CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG XANH.**

quyết từng bước các vấn đề môi trường và xã hội; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực theo hướng đầu tư theo chiều sâu, sử dụng công nghệ cao...v.v.

Thực trạng phát triển hệ thống TCX tại Việt Nam được xem xét đánh giá trên hai góc độ: (i) Nguồn vốn xanh và (ii) Đầu tư xanh.

Đối với nguồn vốn xanh, các doanh nghiệp Việt Nam có thể vay vốn thông qua kênh tài chính trực tiếp gồm: Thị trường Carbon, Thị trường trái phiếu xanh, Thị trường Cổ phiếu xanh, Hệ thống chỉ số xếp hạng xanh, Mạng lưới nhà đầu tư xanh. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có thể tiếp cận nguồn vốn tài chính xanh thông qua kênh tài chính gián tiếp như ngân hàng xanh hoặc các quỹ đầu tư xanh. Hiện nay, các Ngân hàng thương mại (NHTM) cũng đã tự xác định mức độ cam kết cao đối với các vấn đề xanh trong chiến lược đầu tư. Nhìn chung, nhiều tổ chức đã cam kết hỗ trợ đầu tư xanh và thực hiện các mục tiêu của Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Điều này cũng được thể hiện thông qua chỉ số tỷ trọng tín dụng xanh của toàn ngành ngân hàng tăng hơn 2,5 lần trong vòng 4 năm từ 1,5% năm 2016 đến 4,1% năm 2019.

Đối với đầu tư xanh, tại Việt Nam, các doanh nghiệp quy mô đủ lớn đã bắt đầu quan tâm hơn tới bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Một số doanh nghiệp điển hình trong xu hướng đầu tư xanh như: Tập đoàn Vingroup, Vinamilk, Tập đoàn Hoa Sen, Công ty Coca Cola Việt Nam, COFICO Công ty cổ phần xây dựng số 1, Toyota Việt Nam. Bên cạnh đó, ở cấp độ vĩ mô, Chính phủ và NHNN đã ban hành nhiều chỉ thị nhằm thúc đẩy phát triển

**THEO BÁO CÁO ĐÓNG GÓP DỰ KIẾN DO QUỐC GIA TỰ QUYẾT ĐỊNH – INDC VIỆT NAM, VIỆT NAM CẦN KHOẢNG 20 TỶ USD ĐỂ ĐẦU TƯ CHO TĂNG TRƯỞNG XANH TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2030.**

đầu tư xanh.

#### ***Thực trạng phát triển nguồn vốn xanh***

Nguồn vốn xanh trong nền kinh tế hiện nay đến từ một số nguồn chính như: nguồn vốn xanh của các NHTM và tổ chức tài chính quốc tế, nguồn vốn từ hoạt động tín dụng xanh và nguồn vốn có được thông qua việc phát hành các công cụ huy động vốn xanh, bao gồm trái phiếu xanh và vốn chủ sở hữu xanh.

Phần lớn nguồn vốn tài trợ cho tài chính xanh ở Việt Nam hiện nay đến từ Chính phủ, các tổ chức phát triển quốc gia, các định chế quốc tế hay ngân hàng phát triển song phương và đa phương, các doanh nghiệp và cá nhân. Tương tự như nguồn vốn thông thường, nguồn vốn xanh cũng được huy động theo hai kênh là kênh tài chính trực tiếp và kênh tài chính gián tiếp. Tuy nhiên, bên cạnh đó, hoạt động phát triển nguồn vốn xanh từ tín dụng xanh mới chỉ bước đầu được một số các NHTM quan tâm triển khai bởi những lợi ích của việc trở thành ngân hàng xanh chưa thực sự rõ ràng. Với các nỗ lực chung, đến nay nền tảng pháp lý, thể chế, chính sách cho ngân hàng-tín dụng xanh về cơ bản đã hình thành. Dư nợ tín dụng xanh qua thống kê chưa đầy đủ đến tháng 6/2019 đã

tăng rất nhanh lên đến 317.600 tỷ đồng. Tỷ trọng tín dụng xanh cũng tăng mạnh từ 1,5% lên 4,1% tổng dư nợ toàn nền kinh tế. Hai nhóm công cụ huy động tài chính xanh phổ biến hiện nay là Trái phiếu xanh (*Green Bonds*) và Vốn chủ sở hữu xanh (*Green Equity*). Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, ở Việt Nam, công cụ huy động tài chính xanh chủ yếu vẫn sử dụng qua hình thức phát hành trái phiếu xanh.

Cho đến nay, Việt Nam mới chỉ có 2 văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến định nghĩa trái phiếu xanh là Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Thị trường trái phiếu xanh ở Việt Nam mới đang trong giai đoạn triển khai thí điểm, chưa có sản phẩm phát hành rộng rãi trên thị trường.

Trong khi đó, trường cổ phiếu xanh ở Việt Nam cũng đang được đưa vào giai đoạn tạo lập. Các hoạt động chính đã được triển khai đến nay có thể được chia thành 3 nhóm: (i) nâng cao hiểu biết toàn thị trường về tài chính xanh; (ii) khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp với tài chính xanh; (iii) xây dựng và áp dụng chỉ số phát triển bền vững toàn thị trường.

#### ***Thực trạng đầu tư xanh***

Xét trên cấp độ vĩ mô, trên cơ sở ban hành cơ chế chính sách đối với phát triển

bền vững, quan điểm này đã được thể hiện xuyên suốt trong các Chiến lược phát triển kinh tế xã hội tại nhiều kỳ đại hội Đảng. Ngày 25/9/2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ – TTg phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2012 – 2020 và tầm nhìn đến 2050. Các hoạt động thu hút nguồn lực cho đầu tư xanh cũng tích cực được phối hợp thực hiện giữa các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ và các cơ quan Chính phủ. NHNN cũng ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Bên cạnh đó, sáng kiến Khu công nghiệp sinh thái hướng tới mô hình khu công nghiệp bền vững tại Việt Nam do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng với UNIDO thực hiện từ năm 2014.

Xét trên cấp độ vi mô – cấp độ doanh nghiệp, những đánh giá từ khảo sát PCI 2016 cho thấy đa số các doanh nghiệp đều biết đến các quy định về môi trường áp dụng với các doanh nghiệp (87%), tuy nhiên trong số này chỉ có một thiểu số các doanh nghiệp trong nước. Trái ngược với hiệu ứng tích cực đạt được trong việc phổ biến các quy định trên tới doanh nghiệp, thực tế lại có tới hơn 80% doanh nghiệp tại Việt Nam chưa thi hành đầy đủ các quy định

**NGUỒN VỐN XANH TRONG NỀN KINH TẾ HIỆN NAY ĐẾN TỪ MỘT SỐ NGUỒN CHÍNH NHƯ: NGUỒN VỐN XANH CỦA CÁC NHTM VÀ TỔ CHỨC TÀI CHÍNH QUỐC TẾ, NGUỒN VỐN TỪ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG XANH VÀ NGUỒN VỐN CÓ ĐƯỢC THÔNG QUA VIỆC PHÁT HÀNH CÁC CÔNG CỤ HUY ĐỘNG VỐN XANH, BAO GỒM TRÁI PHIẾU XANH VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU XANH.**

về môi trường trong sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, làn sóng khởi nghiệp xanh đã và đang trên đà phát triển ngày càng mạnh mẽ. Các doanh nghiệp quy mô đủ lớn đã bắt đầu quan tâm thỏa đáng hơn tới bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

### ***Thực trạng phát triển các trung gian tài chính xanh***

Thực trạng phát triển ngân hàng xanh  
Phát triển tín dụng xanh là một hoạt động tiên phong của các NHTMVN trong nỗ lực thực hiện Đề án Phát triển tín dụng xanh, hướng tới Chiến lược ngân hàng xanh ở Việt nam. Quy mô dư nợ tín dụng xanh có xu hướng tăng nhanh. Số lượng NHTM triển khai các sản phẩm tín dụng xanh cũng gia tăng nhanh chóng. Từ con số 3 NHTM theo chương trình thí điểm vào năm 2016 thì đến quý I/2019, đã có gần 20 NHTM triển khai các sản phẩm tín dụng xanh (trên tổng số 178 TCTD, không bao gồm quỹ tín dụng nhân dân). Các ngân hàng chính sách (như NH Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển) tích cực triển khai các dự án tăng trưởng bền vững hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân (như nước sạch vệ sinh môi trường, chống biến đổi khí hậu...). Các NHTM Nhà nước tiếp tục mở rộng triển khai tín dụng xanh từ chương trình của NHNN. Các NHTM tư nhân và Ngân hàng nước ngoài cũng tích cực tung ra các sản phẩm hướng đến phát triển bền vững.

Các NHTM Việt Nam đạt được những tiến bộ khá tích cực trong việc phát triển hệ thống ngân hàng xanh thông qua hoàn thiện hệ thống quản trị, cải thiện chính sách cổ đông, công bố thông tin cũng như kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, trình độ của

**CHO ĐẾN NAY, VIỆT NAM MỚI CHỈ CÓ 2 VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐỂ CẬP ĐẾN ĐỊNH NGHĨA TRÁI PHIẾU XANH LÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 163/2018/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 12 NĂM 2018 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2020/NĐ-CP. THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU XANH Ở VIỆT NAM MỚI ĐANG TRONG GIAI ĐOẠN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM, CHƯA CÓ SẢN PHẨM PHÁT HÀNH RỘNG RÃI TRÊN THỊ TRƯỜNG.**

Việt Nam còn kém rất xa so với các nước trong khu vực như Indonesia, Malaysia, Singapore...

Các NHTM đã chú trọng xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Kết quả đến nay đã có 3 NHTM áp dụng được Hệ thống quản lý trách nhiệm với môi trường và xã hội (ESMS), 17 NHTM đã xây dựng quy trình thẩm định rủi ro môi trường và xã hội trong các quy định nội bộ và đa phần đã thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Tuy nhiên, đa phần các NHTM chưa có bộ phận riêng, chuyên trách về phát triển ngân hàng – tín dụng xanh.

Các NHTM đã chú trọng nâng cao năng lực quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong các hoạt động thông qua việc tham gia các Tọa đàm, Hội thảo và đáp ứng các tiêu chuẩn của các Tổ chức quốc tế trong triển khai tín dụng xanh để trang bị những kiến thức mới, tiếp cận những quy định của NHNN về phát triển ngân hàng xanh. Các NHTM cũng chủ động học hỏi, đáp

ứng các yêu cầu ESG trong các chương trình hợp tác với Tổ chức quốc tế để triển khai tín dụng xanh. Các tổ chức quốc tế (như EU, GIZ, IFC...) đã tích cực thực hiện các chương trình tài trợ vốn, hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng lực phát triển tài chính xanh cho Việt Nam. Có thể nói, các NHTMVN hiện nay mới ở cấp độ 3 trong 5 cấp độ phát triển ngân hàng xanh của Kaufler, 2010. (Trần Thị Thanh Tú và cộng sự, 2020)

### **XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH XANH ĐỂ ĐỊNH VỊ HỆ THỐNG TÀI CHÍNH XANH**

Trên thế giới, đã có một số nghiên cứu đề xuất xây dựng bộ chỉ số kinh tế xanh như nghiên cứu của Danlu (2018) áp dụng cho thị trường Trung Quốc đã đề xuất mô hình chỉ số phát triển kinh tế xanh (GEI-Green economy development Index). Theo đó, chỉ số này sẽ có mối quan hệ hàm số với các biến như: Đầu tư năng lượng tái tạo (INV), Tín dụng xanh (CRE), đầu tư xử lý ô nhiễm (IPG), trình độ kỹ thuật (TE), và cấu trúc lĩnh vực. Nhóm tác giả đã ứng dụng bộ chỉ số GEI đối với 150 doanh nghiệp niêm yết có sử dụng năng lượng tái tạo ở Trung Quốc. Kết quả cho thấy sự phát triển về nền kinh tế xanh không chỉ phụ thuộc vào đầu tư vào năng lượng tái tạo của các doanh nghiệp, mà còn phụ thuộc vào các ràng buộc khác liên quan tới tài chính hành vi. Cụ thể như cần kết hợp các chính sách về tín dụng xanh của chính phủ với các tổ chức tài chính để tối ưu hóa hiệu quả của sử dụng năng lượng tái tạo. Nghiên cứu của Puhakka (2017) cũng cho kết quả tương tự như nghiên cứu của Danlu (2018)

**CÁC NHTM VIỆT NAM ĐẠT ĐƯỢC NHỮNG TIẾN BỘ KHÁ TÍCH CỰC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NGÂN HÀNG XANH THÔNG QUA HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ, CẢI THIỆN CHÍNH SÁCH CỔ ĐÔNG, CÔNG BỐ THÔNG TIN CŨNG NHƯ KIỂM SOÁT RỦI RO. TUY NHIÊN, TRÌNH ĐỘ CỦA VIỆT NAM CÒN KÉM RẤT XA SO VỚI CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC NHƯ INDONESIA, MALAYSIA, SINGAPORE...**

khi cho rằng yếu tố về các chính sách và quy định của chính phủ là yếu tố quan trọng tác động tới việc chuyển đổi thành nền kinh tế xanh. Bên cạnh đó, tác giả đã tổng hợp khung các yếu tố tác động tới nền kinh tế xanh liên quan tới 5 phương diện chính: (1) Kinh tế và thị trường nói chung, (2) Nghiên cứu khoa học và phát triển, (3) Các chính sách và quy định, (4) Nguồn vốn trong xã hội, (5) Nhận thức của cộng đồng. Anton (2016) đã xây dựng bộ chỉ số kinh tế xanh (GEI) gồm 26 chỉ tiêu. Nhóm nghiên cứu đã sử dụng chỉ số này đối với 193 quốc gia. Theo đó, các chỉ tiêu này bao trùm các vấn đề chính như: (1) Quản trị quốc gia, (2) Tỷ lệ của tài trợ cho khai thác nhiên liệu hóa thạch/ đầu tư cho các doanh nghiệp về môi trường/năng lượng tái tạo / bằng sáng chế liên quan đến môi trường so với tổng GDP, (3) Diện tích trang trại hữu cơ so với tổng diện tích đất nông nghiệp, (4) Tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng nguồn cung năng lượng sơ cấp, (5) Dấu chân sinh thái (không bao gồm khí thải carbon), (6)

Lượng năng lượng tiêu thụ / Nước rút bình quân/ Lượng khí thải / Xử lý khí thải bình quân/Lượng khí thải nhà kính trên mỗi đầu người, (7) Tiêu thụ nguyên liệu trong nước, (8) Chỉ số ô nhiễm không khí/nước, (9) Tỷ lệ các khu bảo tồn biển và trên cạn, (10) Tỷ lệ các loài bị đe dọa tuyệt chủng, (11) Tỷ lệ chuyển đổi đất, (12) Khoảng cách đói nghèo, (13) Chỉ số nhu cầu cơ bản, (14) Tiết kiệm ròng được điều chỉnh (tiết kiệm đích thực) theo tỷ lệ phần trăm của tổng thu nhập quốc dân (15) Chỉ số phát triển con người, (16) Tỷ số việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động, (17) Chỉ số công việc tốt, (18) Hệ số Gini, (19) Mức độ hài lòng về cuộc sống. Có thể thấy bộ chỉ số GEI được đề xuất rất bao trùm, thể hiện được nhiều nội dung tác động và cần được xem xét khi hướng tới nền kinh tế xanh. Kết quả khảo sát cho thấy Thụy Sĩ, Áo và Thụy Điển là ba quốc gia được xếp hạng cao nhất, và Kazakhstan, Yemen và Turkmenistan có xếp hạng thấp nhất. Tuy nhiên, đáng ngạc nhiên Mỹ xếp hạng trong 15 quốc gia có điểm GEI thấp nhất trong tổng số mẫu nghiên cứu gồm 193 quốc gia. Bên cạnh đó, cũng cần nhấn mạnh rằng, tương tự như hầu hết các nghiên cứu khác, yếu tố quản trị quốc gia là một yếu tố then chốt tác động tới nhóm chỉ số này.

Tuy nhiên, khi đi sâu hơn về tài chính xanh, một nội dung của kinh tế xanh, các công trình nghiên cứu xây dựng chỉ số tài chính xanh còn hạn chế. Shah (2016) đã phát triển chỉ số thân thiện với tài chính dựa trên phân tích nhân tố và trọng số phi tuyến để so sánh mức độ chia sẻ rủi ro tài chính và hỗ trợ giữa các quốc gia. Zhang và cộng sự (2018) đã hình thành chỉ số phát

triển tài chính thông qua phân tích kinh tế lượng, và chỉ ra rằng trong ngắn hạn, chỉ số phát triển tài chính và giá năng lượng của Pakistan có liên quan đáng kể đến tiêu thụ năng lượng. Zhong và cộng sự. (2018) chia hệ thống chỉ số phát triển tài chính xanh thành hai loại: Chỉ số hoạt động thị trường tài chính xanh và chỉ số môi trường sinh thái tài chính xanh, từ đó xây dựng chỉ số phát triển tài chính xanh. Nhóm nghiên cứu của chi nhánh trung ương Wuxi của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (2019) đã đánh giá tính bền vững của phát triển tài chính xanh từ ba khía cạnh tài chính xanh, đầu tư xanh và xã hội xanh, đồng thời đo lường và đánh giá mức độ toàn diện của phát triển bền vững xanh tài chính ở Trung Quốc bằng cách xây dựng một hệ thống đánh giá toàn diện về phát triển bền vững của vật liệu xanh. Wang (2021)<sup>4</sup> đã xây dựng chỉ số tài chính xanh dựa trên việc đánh giá các dự án tại Trung Quốc, gồm có: (1) Dự án phát triển nông nghiệp xanh, (2) Dự án phát triển lâm nghiệp xanh, (3) Công trình công nghiệp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước bảo vệ môi trường, (5) Bảo vệ thiên nhiên, phục hồi hệ sinh thái và phòng chống thiên tai, (6) Dự án tái chế tài nguyên, (7) Dự án năng lượng tái tạo và năng lượng sạch, (8) Dự án tiết kiệm nước nông thôn và đô thị, (9) Xây dựng các dự án tiết kiệm năng lượng và công trình xanh, (10) Dự án giao thông xanh, (11) Dự án dịch vụ tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, (12) Dự án nước ngoài áp dụng các thông lệ quốc tế hoặc tiêu chuẩn quốc tế, (13) Tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường, (14) Năng lượng mới và các phương tiện sử dụng năng lượng mới.

Như vậy, có thể thấy, tuy rằng mỗi quốc gia có những đặc thù riêng, do đó, sẽ ảnh hưởng tới việc xây dựng bộ chỉ số khác nhau, nhưng cần nhấn mạnh rằng, một số chỉ số chung như quản trị quốc gia, khối lượng tiêu thụ nước/khí thải, v.v. sẽ được sử dụng như công cụ để đánh giá mức độ tiếp cận tới tài chính xanh cũng như kinh tế xanh.♦

### XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ TÀI CHÍNH XANH (GREEN FINANCE INDICATOR – GFI) CHO VIỆT NAM

Chỉ số tài chính xanh (*Green Finance Index – GFI*) cho Việt Nam là chỉ số đánh giá mức độ phát triển tài chính xanh cần được nghiên cứu đề xuất trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và kết quả điều tra khảo sát, phỏng vấn sâu với các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở Việt Nam.

Chỉ số tài chính xanh (GFI) được chia thành 2 cấu phần: Ngân hàng xanh (GBI); Chứng khoán xanh (GSI).

Chỉ số ngân hàng xanh (*Green Banking Index - GBI*) cho Việt Nam được hiểu là việc đánh giá mức độ đáp ứng của từng ngân hàng thương mại nói riêng và hệ thống ngân hàng thương mại nói chung của Việt Nam theo các thang điểm từ 1 đến 5, tương ứng với các cấp độ của Kaeufer (2010).

Chỉ số chứng khoán xanh (*Green Securities Index – GSI*) được hiểu là chỉ số cổ phiếu xanh và chỉ số trái phiếu xanh. Xây dựng chỉ số chứng khoán xanh cho Việt Nam cần được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu các kinh nghiệm quốc tế về xây dựng chỉ số cổ phiếu xanh và trái phiếu xanh của các nước có thị trường chứng khoán

phát triển♦

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Adelphi (2016), *Green Finance in Asia: Five new country studies show opportunities for small businesses*, truy cập ngày 6/11/2017 từ <https://www.adelphi.de/en/news/green-finance-asia-five-new-country-studies-show-opportunities-small-businesses>
- ALCB Fund (2017), *Undersanding the African Green Bond Market*, truy cập ngày 6/11/2017 từ <http://www.alcbfund.com/wp-content/uploads/2017/05/African-Green-Bond-Market.pdf>
- Bihari, S (2011), *Green banking-towards socially responsible banking in India*, *International Journal of Business Insights and Transformation*, 4(1), trang 84-87
- Böhnke Eidt, Knierim Richert, Röber Volz (2014), *How to Make Green Finance Work - Empirical Evidence from Bank and Company Surveys*, *German Development Institute (DIE)*.
- Vietnam State Bank (2015), *Decision No. 1552 /QĐ-NHNN on issuing Action Plan of the banking sector to implement the National Strategy on Green Growth*.
- Danlu, B., & Lingyu, D. (2018). *Officials transfer and local government functions transformation: taking the local government's investment attracting behaviors as an example*. *Journal of Finance and Economics*, 44(09), 137-152.
- Duan Jin và Niu Mengqi (2011), *The paradox of green credit in China*, *Science Direct*, 5, trang 1979-1986
- Elena Dova and Oriana Negulescu (2014), *A model of green investments approach*, *Science Direct, Procedia Economics and Finance*, 14, trang 847-852
- IFC (2013), *Mobilizing Public and Private Funds for Inclusive Green Growth Investment in Developing Countries - An Expanded Stocktaking Report Prepared for the G20 Development Working Group*, *IFC Climate Business Department*
- IFC (2015), *Green Finance: A bottom-up approach to track existing flows*, *IFC Climate Business Department*
- Höhne, Khosla, Fekete, Gilbert (2012), *Mapping of Green Finance, Delivered by IDFC Members, Ecofys*.